

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - CNKT Cơ khí (TN211603)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 105

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116030265	Nguyễn Long Tánh	CCQ1603D	106	6.63			0		Vượt quá 5 năm, hết hạn xét tốt nghiệp0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	227073 Lập trình C++	2
	229030 Tin học văn phòng	2
	231016 Corel Draw	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0401 .	222012	Phương pháp luận sáng tạo	2							
	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226004	Đại cương về WTO và Asean	2							
	226008	Kinh tế học đại cương	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :	5 TC (Min)		5							
0501 .	227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
	227087	Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
	227117	Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
Nhóm TC 06 :	3 TC (Min)		3							
0601 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Kế toán (TN211610)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 95****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116100466	Tân Bích Nhu	CCQ1610G	92	6.36	225101	Hệ thống thông tin kế toán	3	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226026 Quản trị học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	229001 Access cơ bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225034 Kế toán thương mại	2							
		226006 Kinh tế công	3							
		226013 Kinh tế vĩ mô	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225067 Thực hành kế toán thuế	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị kinh doanh (TN211612)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 95****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116120244	Lê Thị Thu Hằng	CCQ1612D	92	6.02	226039	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226100 Luật lao động	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	222025 Kỹ năng mềm	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226005 Địa lý kinh tế	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226019 Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	2							
		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Ô tô (TN211617)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 105****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116170566	Nguyễn Hữu Duy Hậu	CCQ1617H	102	6.36	233043	Thực tập ô tô 1	3		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222012 Phương pháp luận sáng tạo 2

222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

222017 Tiếng Việt thực hành B 2

226004 Đại cương về WTO và Asean 2

226008 Kinh tế học đại cương 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 234003 Bóng chuyền 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam 2

222025 Kỹ năng mềm 2

226018 Nghệ thuật lãnh đạo 2

226036 Tâm lý học đại cương 2

Nhóm TC 04 : 2 TC (Min) 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0401 .	222010	Logic học đại cương	2							
	222024	Xác suất thống kê	2							
	225017	Quy hoạch tuyến tính	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	227073	Lập trình C++	2							
	229001	Access cơ bản	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
	231016	Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
	233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2							
	233008	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2							
	233009	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất lỏng chuyên dùng	2							
Nhóm TC 06 :	5 TC (Min)		5							
0601 .	233006	Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
	233045	Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2							
	233047	Chuyên đề động cơ	3							
Nhóm TC 07 :	3 TC (Min)		3							
0701 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Tiếng Anh (TN211624)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 99****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116240144	Huỳnh Thị Mỹ Ly	CCQ1624C	99	6.29			0		880000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam 2

222030 Dẫn luận ngôn ngữ 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 234003 Bóng chuyền 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 225050 Thị trường chứng khoán 2

226011 Kinh tế quốc tế 2

Nhóm TC 04 : 2 TC (Min) 2

0401 . 224322 Giao tiếp liên văn hóa 2

226014 Kỹ năng giao tiếp và làm việc
đội/nhóm 2

226041 Tâm lý kinh doanh 2

226105 Quan hệ công chúng 2

Nhóm TC 05 : 2 TC (Min) 2

0501 . 225014 Nguyên lý kế toán 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		224320 Tiếng Anh thư tín trong thương mại	2							
		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
Nhóm TC 07 :		2 TC (Min)	2							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
		226103 Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2							
Nhóm TC 08 :		5 TC (Min)	5							
0801 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị khách sạn (TN211626)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 95

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116260045	Huỳnh Huệ Như	CCQ1626A	95	6.51	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn hết hạn 3 năm.0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226116 Văn hóa các nước ASEAN	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	226118 Văn hóa ẩm thực	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	226017 Môi trường và con người	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 05 : 0501 .	226119	Pháp luật du lịch	2							
	226120	Tin học ứng dụng trong KD nhà hàng & khách sạn	2							
	2 TC (Min)		2							
	226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2							
	226132	Quản trị tổ chức sự kiện	2							
	226133	Quản trị khu du lịch	2							
Nhóm TC 06 : 0601 .	226134	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2							
	2 TC (Min)		2							
	226096	Quản trị thương hiệu	3							
	226137	Thương mại điện tử nhà hàng, khách sạn	2							
	226140	Quản trị chuỗi cung ứng	2							
	226149	Quản trị kinh doanh tiệc và hội nghị	2							
Nhóm TC 07 : 0701 .	5 TC (Min)		5							
	226136	Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
	226150	Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
	226151	Quản trị lễ tân	3							
Nhóm TC 08 : 0801 .	3 TC (Min)		3							
	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Điện công nghiệp (TN211705)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117050095	Đàng Thúc Đoan	CCQ1705B	90	6.71			0		Chứng chỉ Anh văn, Tin học chưa công chứng
2	2117050228	Đỗ Ngọc Thanh Tùng	CCQ1705C	88	5.96	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222010 Logic học đại cương 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		227073 Lập trình C++	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		228034 Kỹ thuật số 1	2							
		228088 Vật liệu điện	2							
		228229 Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp)	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228006 Điện tử công suất	2							
		228021 Hệ thống điện	2							
		228213 Điều khiển điện khí nén	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)	5							
		228160 Autocad (Điện)	2							
		228231 Cad trong kỹ thuật điện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Điện tử công nghiệp (TN211706)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117060094	Nguyễn Văn Chí	CCQ1706B	88	6.21	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2

****SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	228023 Hệ thống SCADA	2							
		228054 Thiết bị tự động	2							
		228077 Tự động hóa công nghiệp	2							
		228162 Thực tập PLC 2	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	222010 Logic học đại cương	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0601 .	228003 Cấu trúc máy tính giao diện	2							
		228018 Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2							
		228048 Robot công nghiệp (Điện)	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0701 .	228101 Đồ án tốt nghiệp (Điện tử)	5							
		228163 Chuyên đề công nghệ điện tử	2							
		228170 Chuyên đề công nghệ tự động	3							
	Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)	3							
	0801 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Kế toán (TN211710)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117100214	Lương Khánh Diệu	CCQ1710D	80	6.43	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226021 Pháp luật kinh tế	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 : 0401 .	226035	Soạn thảo văn bản	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
	2 TC (Min)		2							
	225003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
	225025	Thanh toán quốc tế	2							
	225107	Kế toán ngân hàng	2							
	225110	Kế toán tài chính nâng cao	2							
	225125	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							
	226016	Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 : 0501 .	5 TC (Min)		5							
	225037	Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
	225045	Thực hành sổ sách kế toán	3							
	225119	Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 : 0601 .	3 TC (Min)		3							
	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tin (TN211711)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **90****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117110148	Nguyễn Hữu Đạt	CCQ1711C	91	6.32	229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		229084 Bảo mật Internet	2							
		229094 Chuyên đề ứng dụng cho lập trình Web	2							
		229095 Chuyên đề ứng dụng Javascript	2							
		229118 Phần mềm mã nguồn mở	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		229103 Kiểm thử phần mềm tự động	2							
		229105 Lập trình Android	2							
		229106 Lập trình iOS	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		229041 Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
		229054 Lập trình Java	3							
		229089 Chuyên đề ASP.NET	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 09 :		2 TC (Min)	2							
0901 .		229028 Thiết kế web	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229113 Thiết kế Web	2							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		229036 Lý thuyết đồ thị	3							
		229109 Lý thuyết đồ thị	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị kinh doanh (TN211712)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117120121	Lê Thị Thủy Tiên	CCQ1712B	77	6.06	226165	Quản trị chiến lược	3	VT	0
2	2117120298	Phạm Nguyễn Hoàng Kim	CCQ1712E	76	5.80	04	THONG TIN NHOM BBTC	0		0
						226154	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 1 (QT)	1	VT	0
						226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
-----	-------	-----------	---------	---------	-------	-------------------	------------------	-------	-----	---------

224103 Anh văn cơ bản

4

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - May (TN211713)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117130176	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	CCQ1713C	84	7.16	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
						231157	Công nghệ may trang phục 2	4		0
2	2117130177	Phạm Thị Hoàng Oanh	CCQ1713C	88	6.56	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
3	2117130207	Lê Thị Ngọc Anh	CCQ1713D	88	6.82	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	226035	Soạn thảo văn bản	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
	231016	Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	231070	An toàn và môi trường công nghiệp (Dệt may)	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	231024	Giác sơ đồ	2							
	231037	Quản lý chất lượng trang phục	2							
	231160	Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	231046	Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
	231148	Cải tiến năng suất	2							
	231165	Sáng tác mẫu	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	231077	Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
	231163	Quản lý đơn hàng	2							
	231177	Trang phục truyền thống	3							
Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)		3							
0801 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Ô tô (TN211717)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117170010	Đỗ Khánh Duy	CCQ1717A	88	6.64	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2117170262	Trương Võ Kiệt	CCQ1717D	90	6.38			0		1700000
3	2117170549	Nguyễn Hoàng Đại	CCQ1717H	90	7.02	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0201 .	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233024	Thiết bị xường ô tô	2							
	233027	Thủy lực và máy thủy lực	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	233011	Ô tô sử dụng năng lượng mới	2							
	233012	Ô tô và môi trường	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	233002	Chuyên đề điện - điện tử ô tô	3							
	233003	Chuyên đề động cơ	2							
	233006	Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)		3							
0801 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
0802 .	200003	Tiếng Nhật 3	3							
Nhóm TC 09 :										
0901 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	233001	Anh văn chuyên ngành (Ô tô)	2							
0902 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tài chính ngân hàng (TN211719)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117190083	Đỗ Thị Lan	CCQ1719B	80	6.01	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh Văn không đạt. Yêu cầu: Aptis A2.0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222004 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225029 Thuế	2							
		225062 Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	2							
		225095 Phân tích báo cáo tài chính	2							
		225116 Thẩm định giá tài sản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		225012 Kiểm toán	2							
		225103 Bảo hiểm	2							
		225112 Kinh doanh ngoại hối	2							
		225115 Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		225035 Quản trị ngân hàng thương mại	3							
		225038 Khóa luận tốt nghiệp (Tài chính)	5							
		225068 Thực hành lập và thẩm định tín dụng	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
 Quản lý tốt nghiệp
 -oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2017 - Tiếng Anh (TN211724)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117240155	Thân Thị Tuyết Nhi	CCQ1724C	89	5.95	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2117240249	Nguyễn Thị Thanh Duyên	CCQ1724E	88	6.43	226016	Marketing căn bản	2	4.5	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226025 Quản trị hành chính văn phòng	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị khách sạn (TN211726)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117260046	Phạm Quỳnh Như	CCQ1726A	83	6.05	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2117260049	Đào Thị Quỳnh Ny	CCQ1726A	78	6.06	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222017 Tiếng Việt thực hành B 2

222024 Xác suất thống kê 2

226017 Môi trường và con người 2

226036 Tâm lý học đại cương 2

229030 Tin học văn phòng 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 226018 Nghệ thuật lãnh đạo 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT) 2

226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh 2

Nhóm TC 03 : 4 TC (Min) 4

0301 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226136 Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - CNKT Cơ khí (TN211803)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118030009	Nguyễn Thành Được	CCQ1803A	92	7.08	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0402 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0503 .	227138 Solidworks	2							
		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0604 .	227149 Thực tập tiện 3	2							
		227157 Thực tập CNC nâng cao	2							
	0605 .	227147 Thực tập phay 3	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0705 .	227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
	0706 .	227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227117 Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
	Nhóm TC 08 :									
	0801 .	224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		227067 Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
	0802 .	200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
 Quản lý tốt nghiệp
 -oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Chế tạo máy (TN211804)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118040008	Trần Văn Đô	CCQ1804A	86	7.02	227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	0.0	0
						227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		0
2	2118040012	Lê Công Hậu	CCQ1804A	87	6.65	227151	Thực tập tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5		0
3	2118040023	Hà Hoàng Long	CCQ1804A	91	6.39	227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	0.0	0
4	2118040028	Trần Minh Nhật	CCQ1804A	91	7.01	227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	0.0	1540000
5	2118040045	Phạm Đức Thuận	CCQ1804A	91	6.58	227139	Thực hành thiết kế chi tiết máy	1	0.0	2560000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	226035	Soạn thảo văn bản	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	227138	Solidworks	2							
0402 .	227155	Thiết kế hệ thống điện - khí nén	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0502 .	227149	Thực tập tiện 3	2							
0503 .	227142	Thực tập hàn TIG - MAG	2							
	227148	Thực tập sửa chữa	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0604 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0705 .	227089	Đồ án tốt nghiệp (Chế tạo máy)	5							
	227153	Thiết kế kỹ thuật cơ khí	2							
	227156	Thiết kế khuôn	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
0802 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Điện công nghiệp (TN211805)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118050025	Nguyễn Phan Hoài Khương	CCQ1805A	92	6.34			0		3900000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	228088 Vật liệu điện		2							
	228229 Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp)		2							
	228261 Kỹ thuật số		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	227014 Công nghệ khí nén - thủy lực		2							
	228006 Điện tử công suất		2							
	228021 Hệ thống điện		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)		5							
	228160 Autocad (Điện)		2							
	228231 Cad trong kỹ thuật điện		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	228083 Anh văn chuyên ngành (Điện)		2							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Điện tử công nghiệp (TN211806)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118060005	Đỗ Đình Dũng	CCQ1806A	91	6.07	228058	Thực tập điện tử nâng cao	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 226035 Soạn thảo văn bản 2

227073 Lập trình C++ 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0402 .		228054 Thiết bị tự động	2							
0403 .		228023 Hệ thống SCADA	2							
		228077 Tự động hóa công nghiệp	2							
0404 .		228264 Thực tập PLC nâng cao	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0504 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
0505 .		222010 Logic học đại cương	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228048 Robot công nghiệp (Điện)	2							
0606 .		228003 Cấu trúc máy tính giao diện	2							
		228018 Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228101 Đồ án tốt nghiệp (Điện tử)	5							
		228163 Chuyên đề công nghệ điện tử	2							
		228170 Chuyên đề công nghệ tự động	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		228083 Anh văn chuyên ngành (Điện)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Tin (TN211811)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **90****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118110122	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CCQ1811B	90	5.84	229104	Kỹ thuật lập trình	2	4.5	680000
2	2118110357	Chu Văn Huy	CCQ1811E	92	7.08	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222010 Logic học đại cương 2

222024 Xác suất thống kê 2

226036 Tâm lý học đại cương 2

231016 Corel Draw 2

Nhóm TC 02 : 4 TC (Min) 4

0201 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0202 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0203 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0204 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0205 . 234008 Cầu lông 1 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234013 Cầu lông 2	2							
0206 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		229084 Bảo mật Internet	2							
		229094 Chuyên đề ứng dụng cho lập trình Web	2							
		229095 Chuyên đề ứng dụng Javascript	2							
		229118 Phần mềm mã nguồn mở	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		229103 Kiểm thử phần mềm tự động	2							
		229105 Lập trình Android	2							
		229106 Lập trình iOS	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		229041 Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
		229054 Lập trình Java	3							
		229089 Chuyên đề ASP.NET	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		224017 Anh văn chuyên ngành (Tin)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
 Quản lý tốt nghiệp
 -oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị kinh doanh (TN211812)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118120336	Trần Thị Thu Trang	CCQ1812D	82	6.85	222035	Kỹ năng mềm	2		0
2	2118120345	Võ Thị Diễm Tuyền	CCQ1812D	82	6.50	222035	Kỹ năng mềm	2		0
3	2118120551	Đinh Thị Thu Hằng	CCQ1812G	80	7.05	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2		0
4	2118120585	Huỳnh Thị Quỳnh Như	CCQ1812G	80	6.58	02	THONG TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
	226036 Tâm lý học đại cương		2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024 Xác suất thống kê		2							
	226035 Soạn thảo văn bản		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226041 Tâm lý kinh doanh		2							
	226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán		2							
	226101 Đàm phán trong kinh doanh		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031 Quản trị rủi ro		2							
	226058 Logistics		2							
	226083 Marketing quốc tế		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226034 Quản trị thương hiệu		2							
	226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)		5							
	226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)		2							
	224016 Anh văn 3		3							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099 Anh văn đầu vào		4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		225040 Quản trị ngoại thương	2							
		226091 Quản trị ngoại thương	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - May (TN211813)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118130222	Nguyễn Thị Tây Thi	CCQ1813D	92	6.78			0		1500000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		231016 Corel Draw	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		231070 An toàn và môi trường công nghiệp (Dệt may)	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	231024 Giác sơ đồ	2							
		231037 Quản lý chất lượng trang phục	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0601 .	231046 Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
		231148 Cải tiến năng suất	2							
		231165 Sáng tác mẫu	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0701 .	231077 Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
		231163 Quản lý đơn hàng	2							
		231177 Trang phục truyền thống	3							
	Nhóm TC 08 :									
	0801 .	224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224007 Anh văn chuyên ngành (May)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
	0802 .	200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
	Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)	3							
	0901 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Ô tô (TN211817)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118170301	Nguyễn Duy Trường	CCQ1817D	92	6.42	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2118170311	Nguyễn Duy Bình	CCQ1817E	92	6.83	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh Văn không hợp lệ. SV xem quy định chuẩn đầu ra trên web trường hitu.edu.vn0
3	2118170353	Lê Nguyễn Thành Luân	CCQ1817E	92	6.62	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh Văn không hợp lệ. SV xem quy định chuẩn đầu ra trên web trường hitu.edu.vn0
4	2118170443	Phạm Tô Thành	CCQ1817F	90	7.34	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2118170449	Nguyễn Đình Tiến	CCQ1817F	90	7.63	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
6	2118170530	Đinh Minh Trữ	CCQ1817G	94	7.23			0		680000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0104 .	234007	Bóng rổ 1	2							
	234011	Bóng rổ 2	2							
0105 .	234008	Cầu lông 1	2							
	234013	Cầu lông 2	2							
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
	233024	Thiết bị xưởng ô tô	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	233011	Ô tô sử dụng năng lượng mới	2							
	233012	Ô tô và môi trường	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	233006	Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
	233055	Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô	2							
	233056	Chuyên đề công nghệ mới trên động cơ ô tô	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	233001	Anh văn chuyên ngành (Ô tô)	2							
0802 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 09 : 0901 .	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							
	3 TC (Min)		3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Nhiệt lạnh (TN211818)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118180069	Huỳnh Trương Nhật	CCQ1818B	86	7.16	223006	Chính trị 1	3		0
						223007	Chính trị 2	3	0.0	0

Ghi chú: BBTC = Tổng hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

Nhóm TC 02 : 4 TC (Min) 4

0201 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0202 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0203 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0204 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0205 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0206 . 234009 Aerobic 1 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		228105 Năng lượng tái tạo	2							
		228217 Hệ thống điều hòa không khí VRV	2							
		228243 Tính toán thiết kế hệ thống lạnh công nghiệp	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		228209 Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng	2							
		228242 Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống nhiệt lạnh	2							
		228244 Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		228102 Đồ án tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5							
		228200 Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh	3							
		228234 Thực tập lạnh nâng cao	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		228126 Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
 Quản lý tốt nghiệp
 -oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211820)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118200107	Nguyễn Hồ Hải	CCQ1820B	82	6.39	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn giả0
2	2118200148	Nguyễn Thị Hương Thảo	CCQ1820B	79	6.56	226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	VT	0
3	2118200302	Trần Thị Hoài Loan	CCQ1820D	80	7.71	225087	Nguyên lý thống kê	3		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0205 .	234008 Cầu lông 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234013 Cầu lông 2	2							
0206 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226167 Quản trị nhân sự	2							
		226168 Quản trị tài chính quốc tế	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226160 Quan hệ kinh tế quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226051 Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0902 .	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2018 - Tiếng Anh (TN211824)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118240259	Phạm Thanh Phát	CCQ1824D	90	6.88	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)		2							
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam		2							
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226016 Marketing căn bản		2							
	226025 Quản trị hành chính văn phòng		2							
	226047 Quản trị bán hàng		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng		2							
	224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại		2							
	224359 Tiếng Anh chuyên ngành kế toán		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	224314 Biên dịch thương mại		3							
	224315 Phiên dịch thương mại		2							
	224324 Khóa luận tốt nghiệp		5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị khách sạn (TN211826)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118260068	Phạm Thị Sương	CCQ1826A	80	6.73	226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật Nhà hàng - Khách sạn	2		0
2	2118260100	Nguyễn Thị Thúy An	CCQ1826B	84	6.51	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
3	2118260187	Huỳnh Thị Trúc	CCQ1826B	80	7.13	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
4	2118260203	Võ Gia Bảo	CCQ1826C	81	6.60	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2118260222	Đoàn Ngọc Huệ	CCQ1826C	76	6.16	223006	Chính trị 1	3	VT	0
						223007	Chính trị 2	3		0
6	2118260231	Phan Thị Thùy Linh	CCQ1826C	76	6.74	223006	Chính trị 1	3		0
						223007	Chính trị 2	3		0
7	2118260274	Đàng Hưng Thịnh	CCQ1826C	77	5.98	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0105 .	234011	Bóng rổ 2	2							
	234008	Cầu lông 1	2							
	234013	Cầu lông 2	2							
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	226036	Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024	Xác suất thống kê	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2							
	226028	Quản trị marketing	2							
	226034	Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031	Quản trị rủi ro	2							
	226041	Tâm lý kinh doanh	2							
	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226150	Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
	226193	Quản trị nhân sự du lịch nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0802 .	226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3							
	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị nhà hàng (TN211827)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118270263	Nguyễn Thị Thùy Dung	CCQ1827D	80	6.66	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222017 Tiếng Việt thực hành B 2

226017 Môi trường và con người 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	222024 Xác suất thống kê	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0601 .	226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0701 .	226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226167 Quản trị nhân sự	2							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
	Nhóm TC 08 :									
	0801 .	224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226175 Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3							
	0802 .	200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
	Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)	3							
	0901 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 10 : 1001 .		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
		2 TC (Min)	2							
		226164 Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2							
		226197 Quản trị tài chính nhà hàng - khách sạn	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - CNKT Cơ khí (TN211903)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119030011	Trương Sĩ Hùng	CCQ1903A	92	7.61			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

222017 Tiếng Việt thực hành B 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		227042 Sức bền vật liệu	2							
		227131 Công nghệ chế tạo máy	2							
		227138 Solidworks	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227107 Thực tập phay 2	2							
		227149 Thực tập tiện 3	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
		227147 Thực tập phay 3	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
		227160 Chuyên đề công nghệ cơ khí	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		227067 Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
-----	-------	-----------	---------	---------	-------	-------------------	------------------	-------	-----	---------

224103 Anh văn cơ bản

4

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Kế toán (TN211910)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **80****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119100100	Lương Thị Cẩm Vân	CCQ1910C	82	6.75			0		1600000
2	2119100225	Trương Thị Thu Thảo	CCQ1910G	82	6.77			0		2240000
3	2119100260	Ka Phụng	CCQ1910H	82	6.73			0		2240000
4	2119100321	Nguyễn Thị Kim Ngân	CCQ1910J	82	7.87	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2119100328	Phùng Thị Phương Thảo	CCQ1910J	82	7.45	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
6	2119100343	Lê Thị Được	CCQ1910K	82	7.01			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)		2							
0301 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	225129	Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	225003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
	225025	Thanh toán quốc tế	2							
	225107	Kế toán ngân hàng	2							
	225110	Kế toán tài chính nâng cao	2							
	225125	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							
	226016	Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 :	5 TC (Min)		5							
0501 .	225037	Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
	225045	Thực hành sổ sách kế toán	3							
	225119	Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	225152	Anh văn chuyên ngành (kế toán)	2							
0602 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							
0603 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224006	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2							
	224016	Anh văn 3	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 07 :	3 TC (Min)		3							
0701 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 08 :	2 TC (Min)		2							
0801 .	222025	Kỹ năng mềm	2							
	222035	Kỹ năng mềm	2							
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Tin (TN211911)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119110252	Phạm Tiến Lực	CCQ1911H	91	6.29	229121	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Tin)	1		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222010 Logic học đại cương	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0205 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0206 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		229046 Corel Draw	2							
		229097 Hệ điều hành Linux	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		229084 Bảo mật Internet	2							
		229094 Chuyên đề ứng dụng cho lập trình Web	2							
		229095 Chuyên đề ứng dụng Javascript	2							
		229118 Phần mềm mã nguồn mở	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		229103 Kiểm thử phần mềm tự động	2							
		229105 Lập trình Android	2							
		229106 Lập trình iOS	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		229041 Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
		229054 Lập trình Java	3							
		229089 Chuyên đề ASP.NET	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		224017 Anh văn chuyên ngành (Tin)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị kinh doanh (TN211912)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119120053	Trần Thị Bích Nhung	CCQ1912B	82	7.09			0		2880000
2	2119120167	Lê Thanh Tịnh	CCQ1912E	82	6.32	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		TH0
3	2119120226	Nguyễn Thị Kim Ni	CCQ1912G	79	6.47	226165	Quản trị chiến lược	3		0
4	2119120286	Nguyễn Văn Hào	CCQ1912I	82	7.00			0		1600000
5	2119120654	Huỳnh Thị Lệ Cẩm	CCQ1912O	82	7.20			0		320000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :	2 TC (Min)		2							
1001 .	222025	Kỹ năng mềm	2							
	222035	Kỹ năng mềm	2							
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - May (TN211913)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **90****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119130004	Võ Thanh Hạnh	CCQ1913A	92	7.64	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn chưa công chứng ⁰
2	2119130051	Lê Thị Hồng Thắm	CCQ1913B	85	5.99	231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4	3.0	0
						231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3	4.0	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0201 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		231024 Giác sơ đồ	2							
		231037 Quản lý chất lượng trang phục	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		231046 Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
		231148 Cải tiến năng suất	2							
		231165 Sáng tác mẫu	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		231077 Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
		231163 Quản lý đơn hàng	2							
		231177 Trang phục truyền thống	3							
Nhóm TC 07 :										
0701 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224007 Anh văn chuyên ngành (May)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0702 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 09 : 0901 .	224103	Anh văn cơ bản	4							
	2 TC (Min)		2							
	222025	Kỹ năng mềm	2							
	222035	Kỹ năng mềm	2							
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Ô tô (TN211917)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **90****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119170049	Nguyễn Nhật Hoài Nam	CCQ1917B	92	6.68	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		AV0
2	2119170101	Trần Thanh Tú	CCQ1917C	92	6.54	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		AV0
3	2119170133	Nguyễn Nhựt Trường	CCQ1917D	92	6.90			0		1600000
4	2119170502	Nguyễn Lê Quốc Cần	CCQ1917O	92	6.82			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
	226035 Soạn thảo văn bản		2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	233004 Công nghệ lắp ráp ô tô		2							
	233024 Thiết bị xường ô tô		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233011 Ô tô sử dụng năng lượng mới		2							
	233012 Ô tô và môi trường		2							
Nhóm TC 06 :	5 TC (Min)		5							
0601 .	233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)		5							
	233055 Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô		2							
	233056 Chuyên đề công nghệ mới trên động cơ ô tô		3							
Nhóm TC 07 :										
0701 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	233001 Anh văn chuyên ngành (Ô tô)		2							
0702 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)		3							
0801 .	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							
	224101 Anh văn cơ bản 1		3							
	224102 Anh văn cơ bản 2		3							
	224103 Anh văn cơ bản		4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Nhiệt lạnh (TN211918)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119180019	Nguyễn Hoài Nam	CCQ1918A	92	7.17			0		4800000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0205 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0206 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)		2							
0301 .	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	228105 Năng lượng tái tạo		2							
	228217 Hệ thống điều hòa không khí VRV		2							
	228243 Tính toán thiết kế hệ thống lạnh công nghiệp		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	228209 Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng		2							
	228242 Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống nhiệt lạnh		2							
	228244 Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	228102 Đồ án tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)		5							
	228200 Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh		3							
	228234 Thực tập lạnh nâng cao		2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	228126 Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh)		2							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211920)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119200126	Cao Thị Nhung	CCQ1920D	82	7.06			0		3840000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0205 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0206 .	234009 Aerobic 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226167 Quản trị nhân sự	2							
		226168 Quản trị tài chính quốc tế	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226160 Quan hệ kinh tế quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226051 Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 10 : 1001 .	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
	2 TC (Min)		2							
	222025	Kỹ năng mềm	2							
	222035	Kỹ năng mềm	2							
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Tiếng Anh (TN211924)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **92**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119240225	Lê Kiều Đoàn	Trang	CCQ1924H	92	7.78		0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		khoa học								
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226016 Marketing căn bản	2							
		226025 Quản trị hành chính văn phòng	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
		224359 Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							
Nhóm TC 07 :		2 TC (Min)	2							
0701 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị khách sạn (TN211926)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119260069	Phùng Thị Xuân Thịnh	CCQ1926B	82	6.37			0		1600000
2	2119260200	Bùi Lê Tường Vi	CCQ1926E	80	5.96	226119	Pháp luật du lịch	2	4.7	0
3	2119260244	Khổng Thị Lan Anh	CCQ1926G	82	6.52			0		1600000
4	2119260285	Nguyễn Khoa Điền	CCQ1926H	80	6.67	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2119260330	Trần Thị Thu Uyên	CCQ1926G	80	6.54	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
		226199 Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226144 Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200006 Tiếng Nhật 4 (chuyên ngành khách sạn)	3							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị nhà hàng (TN211927)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119170607	Phan Văn Thuận	CCQ1927H	82	6.78			0		1600000
2	2119270023	Nguyễn Thị Oanh	CCQ1927A	77	6.02	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	0
3	2119270077	Nguyễn Thị Thùy Linh	CCQ1927C	82	7.03	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh Văn không đạt. Yêu cầu: Aptis A2.1600000
4	2119270129	Nguyễn Thị Kim Thoại	CCQ1927D	77	7.22	226153	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5	VT	0
5	2119270185	Phạm Thị Thanh Phượng	CCQ1927F	82	7.37			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổng hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)		2							
0301 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024	Xác suất thống kê	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	226036	Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226031	Quản trị rủi ro	2							
	226041	Tâm lý kinh doanh	2							
	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2							
	226028	Quản trị marketing	2							
	226034	Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226138	Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
	226199	Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	226175	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3							
0802 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200007 Tiếng Nhật 4 (chuyên ngành nhà hàng)	3							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2020 - Kế toán (TN212010)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2120100150	Hoàng Bích Ngọc	CCQ2010E	81	7.55	225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Kế toán)	1	0.0	0
2	2120100240	Nguyễn Mỹ Xuyên	CCQ2010G	82	7.20			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		khoa học								
		225129 Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225107 Kế toán ngân hàng	2							
		225110 Kế toán tài chính nâng cao	2							
		225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		225152 Anh văn chuyên ngành (kế toán)	2							
0602 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
0603 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224006 Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 08 : 0801 .	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
	2 TC (Min)		2							
	222025	Kỹ năng mềm	2							
	222035	Kỹ năng mềm	2							
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2020 - Quản trị kinh doanh (TN212012)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2120120019	Bùi Yến Ngọc	CCQ2012A	81	7.57	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2120120035	Đặng Thị Tường Vy	CCQ2012A	80	7.12	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
3	2120120055	Huỳnh Bé Nhi	CCQ2012B	80	7.44	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
4	2120120215	Hoàng Thị Thu Huyền	CCQ2012G	80	8.23	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2120120226	Nguyễn Thị Gấm Nữ	CCQ2012G	80	7.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
6	2120120231	Võ Hồng Thanh	CCQ2012G	80	7.47	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
7	2120120263	Lê Thị Quỳnh Như	CCQ2012H	80	7.34	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
8	2120120270	Trần Quốc Thanh	CCQ2012H	80	7.92	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
9	2120120275	Đặng Thị Diễm Trâm	CCQ2012H	80	8.52	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
10	2120120276	Nông Thị Tuyển	CCQ2012H	80	7.75	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
11	2120120280	Phạm Thị Kim Chi	CCQ2012I	80	7.41	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
12	2120120282	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	CCQ2012I	80	7.76	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
13	2120120293	Trần Thị Mỹ Linh	CCQ2012I	80	7.48	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
14	2120120295	Thạch Hồng Mơ	CCQ2012I	80	6.91	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
15	2120120311	Nguyễn Thị Kiều Vân	CCQ2012I	80	7.90	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
16	2120120321	Võ Thị Hân	CCQ2012J	80	7.45	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
17	2120120323	Hoàng Thị Thu Hồng	CCQ2012J	80	7.42	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
18	2120120330	Lê Thị Thảo Nguyên	CCQ2012J	80	7.50	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
19	2120120719	Nguyễn Thị Thanh Thảo	CCQ2012Q	79	8.09	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
						226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	0.0	0
20	2120120723	Đỗ Cao Toàn	CCQ2012Q	79	7.99	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

*** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung**

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
20	2120120723	Đỗ Cao Toàn	CCQ2012Q	79	7.99	226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	0.0	0
21	2120170098	Nguyễn Hồng Thu	CCQ2012R	79	7.59	02	THONG TIN NHOM BBTC	0		0
						226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	0.0	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2
0401 .	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226041 Tâm lý kinh doanh		2							
	226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán		2							
	226101 Đàm phán trong kinh doanh		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031 Quản trị rủi ro		2							
	226058 Logistics		2							
	226083 Marketing quốc tế		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226034 Quản trị thương hiệu		2							
	226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)		5							
	226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)		2							
	224016 Anh văn 3		3							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							
	224101 Anh văn cơ bản 1		3							
	224102 Anh văn cơ bản 2		3							
	224103 Anh văn cơ bản		4							